TÒA ÁN NHÂN DÂN **QUẬN BÌNH TÂN** THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 89/2022/HNGĐ-ST
Ngày: 19/01/2022
V/v tranh chấp ly hôn.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN BÌNH TÂN, THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: bà Phạm Thị Nga

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Lê Thị Tý;

2. Bà Bùi Diệu Huệ.

- Thư ký phiên tòa: ông Nguyễn Trung Thắng – Là thư ký Tòa án nhân dân quận Bình Tân, Thành phố Hồ Chí Minh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Bình Tân, Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên toà: bà Nguyễn Thị Thu - Kiểm sát viên.

Ngày 19 tháng 01 năm 2022 tại trụ sở Tòa án nhân dân quận Bình Tân, Thành phố Hồ Chí Minh xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 370/2021/TLST-HNGĐ ngày 31 tháng 3 năm 2021, về việc "tranh chấp ly hôn" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 242/2021/QĐXXST-HNGĐ ngày 16 tháng 12 năm 2021 và Quyết định hoãn phiên tòa số 02/2022/QĐST-HNGĐ ngày 11 tháng 01 năm 2022, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: bà Nguyễn Thị L, sinh năm:1994; thường trú: thôn T, xã A, huyện Q, tỉnh Qu; tạm trú: đường H, phường Bình Trị Đ, quận T, Thành phố Hồ Chí Minh.

Bà Nguyễn Thị L có đơn yêu cầu vắng mặt.

2. Bị đơn: ông Đặng Thanh V, sinh năm:1981; thường trú: 977/21 đường Hương l, phường B, quận B, Thành phố H

Ông Đặng Thanh V vắng mặt không có lý do.

NỘI DUNG VỤ ÁN

Theo đơn khởi kiện nộp cho Tòa án và các tài liệu có trong hồ sơ, vụ án có nội dung như sau:

Nguyên đơn bà Nguyễn Thị L trình bày: bà và ông Đặng Thanh V có thời gian quen biết và tự nguyện chung sống với nhau từ năm 2013 có tổ chức đám cưới và đăng ký kết hôn theo Giấy chứng nhận kết hôn số 36, quyển số 01/2015 do

Ủy ban nhân dân Phường Bình Trị Đông A, quận Bình Tân, Thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 03 tháng 3 năm 2015.

Quá trình chung sống: Bà và ông Đặng Thanh V chung sống hạnh phúc đến năm 2020 thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân phát sinh mâu thuẫn là do vợ chồng thường hay cải vã, không có tiếng nói chung, từ đó dẫn đến mâu thuẫn ngày càng trầm trọng, bà không còn tình cảm với ông Đặng Thanh V nữa. Từ tháng 6 năm 2020 đến nay bà và ông Đặng Thanh V không còn chung sống với nhau. Do đó, bà yêu cầu Tòa án giải quyết cho bà được ly hôn với ông Đặng Thanh V.

Về con chung: trong quá trình chung sống bà và ông Đặng Thanh V có 01 con chung tên Đặng Thanh Ph, sinh ngày 13 tháng 12 năm 2013.

Về nuôi con và cấp dưỡng nuôi con: Bà yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng con chung, không yêu cầu ông Đặng Thanh V cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung: Bà xác định không yêu cầu Toà án giải quyết.

Nợ chung: Bà xác định không có.

Bị đơn ông Đặng Thanh V trình bày: Ông và bà Nguyễn Thị L có thời gian quen biết và tự nguyện chung sống với nhau từ năm 2013 có đăng ký kết hôn theo Giấy chứng nhận kết hôn số 36, quyển số 01/2015 do Ủy ban nhân dân Phường Bình Trị Đông A, quận Bình Tân, Thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 03 tháng 3 năm 2015. Ông và bà Nguyễn Thị L chung sống hạnh phúc đến năm 2020 thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân phát sinh mâu thuẫn là do vợ chồng luôn bất đồng quan điểm trong cuộc sống, vì vậy ông và bà Nguyễn Thị L không còn chung sống với nhau từ tháng 6 năm 2020 đến nay. Qua yêu cầu ly hôn của bà Nguyễn Thị L ông không đồng ý.

Về con chung: trong quá trình chung sống ông và bà Nguyễn Thị L có 01 con chung tên Đặng Thanh Phúc, sinh ngày 13 tháng 12 năm 2013. Trong trường hợp ly hôn, ông yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng con chung.

Về tài sản chung: ông xác định không có

Về nợ chung: ông xác định không có.

Ông Đặng Thanh V đã được Tòa án tống đạt hợp lệ Thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp tiếp cận công khai chứng cứ và hòa giải để ông đến Tòa án giải quyết vụ kiện, nhưng ông Đặng Thanh V vắng mặt không có lý do và cũng không gửi thêm cho Tòa án ý kiến trình bày của ông đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

Tòa án tiến hành xác minh tình trạng hôn nhân tại nơi cư trú của bà Nguyễn Thị L và ông Đặng Thanh V là Ủy ban nhân dân phường Bình Trị Đông A, quận Bình Tân, kết quả như sau: "bà Nguyễn Thị L thường trú thôn Thu Thừa, xã An Ninh, huyện Quảng Ninh, tỉnh Quảng Bình; tạm trú: 964/1/11D/11E đường Hương lộ 2, phường Bình Trị Đông A, quận Bình Tân, Thành phố Hồ Chí Minh và ông Đặng Thanh V, địa chỉ: 977/21 đường Hương lộ 2, phường Bình Trị Đông A, quận Bình Tân, Thành phố Hồ Chí Minh. Trong

thời gian cư ngụ tại địa phương, ủy ban nhân dân phường chưa nhận được yêu cầu giải quyết mâu thuẩn của bà L và ông V. Vì vậy không có thông tin để cung cấp cho Tòa án".

Tại phiên tòa:

- Bà Nguyễn Thị L có đơn yêu cầu vắng mặt;

- Ông Đặng Thanh V vắng mặt không lý do;

- Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Bình Tân, Thành phố Hồ Chí Minh:

Về tố tụng:

Việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán, Thư ký trong thời hạn chuẩn bị xét xử: Thẩm phán được phân công thụ lý giải quyết vụ án đã thực hiện đúng và đầy đủ nội dung quy định về thụ lý, thẩm quyền, quan hệ tranh chấp và đúng trình tự tố tụng quy định tại các Điều 196, 204, 205, 209, 210, 211 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015. Việc giao hồ sơ cho Viện kiểm sát đúng quy định. Về thời hạn chuẩn bị xét xử chưa tuân thủ đúng quy định tại Khoản 1, Điều 203 Bộ luật Tố tụng dân sự. Tại phiên tòa Hội đồng xét xử, Thư ký cũng đã thực hiện đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Việc tuân theo pháp luật của người tham gia tố tụng: Nguyên đơn đã thực hiện đúng các quy định tại các Điều 70, 71 Bộ luật Tố tụng dân sự; Bị đơn chưa chấp hành đúng các quy định tại các Điều 70, 72 Bộ luật Tố tụng dân sự.

Về việc giải quyết vụ án: đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

- Các đương sự đều không nộp thêm chứng cứ cho Tòa án và không yêu cầu Tòa án thu thập thêm tài liệu, chứng cứ.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng:

- Về quan hệ tranh chấp và thẩm quyền giải quyết vụ án: Bà Nguyễn Thị L và ông Đặng Thanh V có đăng ký kết hôn, bà Nguyễn Thị L yêu cầu ly hôn với ông Đặng Thanh V nên đây là tranh chấp ly hôn thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án theo quy định tại Khoản 1 Điều 28 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015. Do tranh chấp về hôn nhân và gia đình được quy định tại Điều 28 Bộ luật Tố tụng dân sự nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân cấp huyện theo quy định tại điểm a Khoản 1 Điều 35 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015. Ông Đặng Thanh V có cư trú tại quận Bình Tân, Thành phố Hồ Chí Minh nên thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân quận Bình Tân, Thành phố Hồ Chí Minh theo quy định tại điểm a Khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

- Về thủ tục tố tụng: Bị đơn ông Đặng Thanh V đã được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ hai để tham gia phiên tòa nhưng vẫn vắng mặt không lý do; Nguyên đơn bà Nguyễn Thị L có đơn yêu cầu xét xử vắng mặt nên Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt nguyên đơn và bị đơn theo quy định tại điểm a, điểm b Khoản 2 Điều 227 và Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

[2] Về nội dung:

Xét yêu cầu của đương sự, Hội đồng xét xử nhận định:

Căn cứ Giấy chứng nhận kết hôn 36, quyển số 01/2015 do Ủy ban nhân dân phường Bình Trị Đông A, quận Bình Tân, Thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 03 tháng 3 năm 2015 cho bà Nguyễn Thị L và ông Đặng Thanh V cùng lời khai của bà Nguyễn Thị L và ông Đặng Thanh V về việc các đương sự tự nguyện kết hôn với nhau, nên có căn cứ xác định hôn nhân giữa bà Nguyễn Thị L và ông Đặng Thanh V là hôn nhân hợp pháp.

Về quan hệ hôn nhân: Bà Nguyễn Thị L và ông Đặng Thanh V chung sống hạnh phúc đến năm 2020 thì phát sinh mâu thuẫn. Theo bà Nguyễn Thị L thì nguyên nhân phát sinh mâu thuẫn là do ông Đặng Thanh V không đi làm, ở nhà ăn nhậu không lo cho gia đình nên dẫn đến vợ chồng thường hay cải vã, bất đồng quan điểm trong cuộc sống, từ đó dẫn đến mâu thuẫn ngày càng trầm trọng, bà Nguyễn Thị L không còn tình cảm với ông Đặng Thanh V nữa, vì vậy bà Nguyễn Thị L yêu cầu được ly hôn với ông Đặng Thanh V. Phía ông Đặng Thanh V cho rằng mâu thuẫn là do ông và bà Nguyễn Thị L không cùng quan điểm trong cuộc sống, do đó ông và bà Nguyễn Thị L đã không chung sống với nhau từ tháng 6 năm 2020 đến nay, qua yêu cầu ly hôn của bà Nguyễn Thị L ông không đồng ý. Tuy nhiên, ông Đặng Thanh V vắng mặt tại phiên hòa giải, công khai chứng cứ do Tòa án tiến hành và tại phiên tòa xét xử vụ án, mặc dù ông Đặng Thanh V đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhiều lần đến Tòa án để giải quyết vụ án, ông cũng không có thêm ý kiến về việc bà Nguyễn Thị L yêu cầu ly hôn gửi đến Tòa án. Cho thấy, ông Đặng Thanh V không có thiện chí hàn gắn gia đình và không còn yêu thương, tôn trọng bà Nguyễn Thị L, không quan tâm đến hôn nhân của ông bà. Hơn nữa, tại tất cả những buổi làm việc do Tòa án tiến hành bà Nguyễn Thị L xác định không còn tình cảm với ông Đặng Thanh V và cương quyết yêu cầu được ly hôn với ông Đặng Thanh V. Mặt khác, bà Nguyễn Thị L và ông Đặng Thanh V không chung sống với nhau từ tháng 6 năm 2020 đến nay. Điều này chứng tỏ tình trạng hôn nhân giữa bà Nguyễn Thị L và ông Đặng Thanh V trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được. Tại Điều 19 Luật Hôn nhân và Gia đình quy định về tình nghĩa vợ chồng như sau: "Vợ chồng có nghĩa vụ thương yêu, chung thủy, tôn trọng, quan tâm, chăm sóc, giúp đỡ nhau" và Điều 56 quy định "Khi vợ hoặc chồng yêu cầu ly hôn mà hòa giải tại Tòa án không thành thì Tòa án giải quyết cho ly hôn nếu có căn cứ về việc vợ, chồng có hành vi bạo lực gia đình hoặc vi phạm nghiêm trọng quyền, nghĩa vụ của vợ, chồng làm cho hôn nhân lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được". Như vậy, bà Nguyễn Thị L và ông Đặng Thanh V đã vi phạm quy định về tình nghĩa vợ chồng là không

thương yêu, tôn trọng, quan tâm đến nhau.

Đại diện Viện kiểm sát tham gia phiên tòa có ý kiến đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu ly hôn của bà Nguyễn Thị L và ông Đặng Thanh V.

Từ những nhận định nêu trên, căn cứ Điều 19, Khoản 1 Điều 51 và Khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và Gia đình, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu ly hôn của bà Nguyễn Thị L và ông Đặng Thanh V.

Về yêu cầu nuôi con và cấp dưỡng nuôi con chung: Bà Nguyễn Thị L và ông Đặng Thanh V có 01 con chung tên Đặng Thanh Phúc (Nam), sinh ngày 13 tháng 12 năm 2013. Bà Nguyễn Thị L yêu cầu được trực tiếp chăm sóc, giáo dục con chung và không yêu cầu ông Đặng Thanh V cấp dưỡng nuôi con chung. Ông Đặng Thanh V cũng có yêu cầu trực tiếp nuôi dưỡng con chung, tuy nhiên tại phiên hòa giải và tại phiên tòa xét xử vụ án ông Đặng Thanh V đã được triệu tập hợp lệ nhưng vắng mặt không lý do, điều này chứng tỏ ông không quan tâm đến hôn nhân giữa ông và bà Nguyễn Thị L cũng như không quan tâm đến yêu cầu về việc trực tiếp nuôi dưỡng con chung. Mặt khác, căn cứ vào Khoản 2, Điều 81 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014 quy định "Vợ, chồng thỏa thuận về người trực tiếp nuôi con, nghĩa vụ, quyền của mỗi bên sau khi ly hôn đối với con; trường hợp không thỏa thuận được thì tòa án quyết định giao con cho một bên trực tiếp nuôi căn cứ vào quyền lợi về mọi mặt của con; nếu con từ đủ 07 tuổi trở lên thì phải xem xét nguyện vọng của con". Đến thời điểm Tòa án xét xử vụ án Trẻ Đặng Thanh Phúc, sinh ngày 13/12/2013 đã trên 07 tuổi, Tòa án đã tiến hành ghi nhận ý kiến của trẻ Phúc và cháu muốn sống cùng với mẹ sau khi cha mẹ ly hôn. Do đó, Hội đồng xét xử xét thấy giao con chung Đặng Thanh Phúc (Nam) cho bà Nguyễn Thị L trực tiếp nuôi dưỡng là phù hợp. Ghi nhận sự tự nguyện của bà Nguyễn Thị L không yêu cầu ông Đặng Thanh V cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung: bà Nguyễn Thị L và ông Đặng Thanh V cùng xác định không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không xem xét.

Về nợ chung: bà Nguyễn Thị L và ông Đặng Thanh V cùng xác định không có nên không xem xét.

Về án phí sơ thẩm: bà Nguyễn Thị L phải chịu án phí theo quy định tại Khoản 4 Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Áp dụng Khoản 1 Điều 28, điểm a Khoản 1 Điều 35; điểm a Khoản 1 Điều 39, Khoản 4 Điều 147, điểm a điểm b Khoản 2 Điều 227, Điều 228, Điều 271 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

- Áp dụng Điều 19, Khoản 1 Điều 51, Khoản 1 Điều 56, Điều 81, Điều 82, Điều 83, Điều 84 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014;

- Áp dụng điểm a Khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy

định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị L về việc xin ly hôn với ông Đặng Thanh V.

1.1. Về quan hệ hôn nhân: bà Nguyễn Thị L được ly hôn với ông Đặng Thanh V.

Giấy chứng nhận kết hôn số 36, quyển số 01/2015 do Ủy ban nhân dân phường Bình Trị Đông A, quận Bình Tân, Thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 03 tháng 3 năm 2015 cho bà Nguyễn Thị L và ông Đặng Thanh V không còn giá trị.

1.2. Về con chung: bà Nguyễn Thị L và ông Đặng Thanh V có 01 con chung tên Đặng Thanh Phúc (Nam), sinh ngày 13 tháng 12 năm 2013.

Giao trẻ Đặng Thanh Ph (Nam) cho bà Nguyễn Thị L được trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng.

Về cấp dưỡng nuôi con: ghi nhận sự tự nguyện của bà Nguyễn Thị L không yêu cầu ông Đặng Thanh V cấp dưỡng nuôi con chung.

Ông Đặng Thanh V có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở. Vì lợi ích của con Tòa án có thể quyết định thay đổi việc cấp dưỡng nuôi con khi có yêu cầu của cha, mẹ; thay đổi quyền nuôi con của bà Nguyễn Thị L khi bà Nguyễn Thị L, ông Đặng Thanh V hoặc cá nhân, tổ chức có thẩm quyền yêu cầu.

Bà Nguyễn Thị L có quyền yêu cầu ông Đặng Thanh V thực hiện nghĩa vụ theo quy định tại điều 82 của Luật Hôn nhân và Gia Đình năm 2014; yêu cầu ông Đặng Thanh V cùng các thành viên gia đình tôn trọng quyền được nuôi con của mình.

Bà Nguyễn Thị L cùng các thành viên gia đình không được cản trở ông Đặng Thanh V trong việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con.

1.3. Về tài sản chung: bà Nguyễn Thị L và ông Đặng Thanh V không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không xem xét.

1.4. Về nợ chung: Bà Nguyễn Thị L và ông Đặng Thanh V cùng xác định không có nên không xem xét.

2. Về án phí: Án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) bà Nguyễn Thị L phải chịu, nhưng được trừ vào tiền tạm ứng án phí 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) mà bà Nguyễn Thị L đã nộp theo biên lai thu số 0063362 ngày 31 tháng 3 năm 2021 của Chi cục thi hành án dân sự quận Bình Tân, Thành phố Hồ Chí Minh. Như vậy, bà Nguyễn Thị L đã nộp đủ án phí sơ thẩm.

Các đương sự thi hành án tại cơ quan Thi hành án dân sự có thẩm quyền.

3. Về quyền kháng cáo: Đương sự có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày được tuyên án. Đương sự vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh;
- Viện kiểm sát nhân dân quận Bình Tân;
- Chi cục Thi hành án dân sự quận Bình Tân;
- Các đương sự;
- Lưu: VT, hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

(đã đọc và ký tên)

Nguyễn Thị Thanh Huyền